

哥

gē

弟

dì

說 说

shuō

玩

wán

長 长

cháng

拿

ná

該 该

gāi

趣

qù

梨

lí

惜

xí

矮

ǎi

籃 篮

lán

春

chūn

戲 戏

xì

冰

bīng

冬

dōng